

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Sơn Điền
- Ông Nguyễn Văn Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Anh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:** Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị K Ph, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Tổ 16, ấp P B, xã P L, thị xã T C, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Tổ 04, khóm L C, phường L C, thị xã T C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Quang L, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số 332, Tổ 07, ấp T H A2, xã T A, thị xã T C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2023, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên bà Dương Thị K Ph trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L sống chung vào năm 1987, hôn nhân do tự tìm hiểu, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Tân Châu (nay là UBND thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2004 ngày 03/9/2004.

Cuộc sống chung có hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông L không tôn trọng bà P và hay

thường dùng bạo L gia đình, dẫn đến cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu ly hôn với ông L.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L có hai con chung tên: Lê Thị Chúc L, sinh ngày 19/02/1988 và Lê Văn P, sinh ngày 28/02/1991, tất cả đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị K Ph trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quang L có lời khai trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang L thống nhất với lời trình bày của bà Dương Thị K Ph về điều kiện, thời gian kết hôn, cũng như mâu thuẫn tình cảm vợ chồng và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2010 đến nay. Ông L nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với bà P.

- Về con chung: Ông Lê Quang L và bà Dương Thị K Ph có hai con chung tên: Lê Thị Chúc L, sinh ngày 19/02/1988 và Lê Văn P, sinh ngày 28/02/1991, tất cả đã trưởng thành và lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Quang L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử công bố biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2024 đối với bị đơn, nguyên đơn bà Dương Thị K Ph không có ý kiến.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Quang L vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L.

- Về con chung: Bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L có hai con chung tên: Lê Thị Chúc L, sinh ngày 19/02/1988 và Lê Văn P, sinh ngày 28/02/1991, tất cả đã trưởng thành và lao động được, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Dương Thị K Ph phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Dương Thị K Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Quang L có địa chỉ cư trú tại: Tổ 07, ấp T H A2, xã T A, thị xã T C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, ông Lê Quang L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L sống chung vào năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An, huyện Tân Châu (nay là UBND thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 105/2004 ngày 03/9/2004 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông L không tôn trọng và thường hay dùng bạo L gia đình với bà P, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc nên bà P với ông L đã không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục được nữa nên bà P yêu cầu ly hôn với ông L, ông L nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với bà P.

Xét thấy, bà P và ông L tự nguyện thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử công nhận tình ly hôn giữa bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L là có căn cứ theo Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L có hai con chung tên: Lê Thị Chúc L, sinh ngày 19/02/1988 và Lê Văn P, sinh ngày 28/02/1991, tất cả đã trưởng thành và lao động được. Bà P và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ chung: Bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Dương Thị K Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị K Ph và ông Lê Quang L.

2. *Về con chung:* Không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có.

4. *Về án phí:* Bà Dương Thị K Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007654 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bà Dương Thị K Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Quang L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- UBND xã Tân An;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sang

